TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 795/2021/HNGĐ-ST.
Ngày: 28/5/2021.
Về việc "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Bích Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Thực;

Ông Phạm Văn Hễ.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Danh Đời – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai Vụ án dân sự thụ lý số 157/2021/TLST-HNGĐ ngày 13/5/2021 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2221/2021/QĐXXST-DS ngày 24/5/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Lê L**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: 28 Montrose Road, Montrose Tasmania 7010, Australia, (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Bà **Dương Thị Vân Nh**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: F11.06, khối F, Khu Emerald, Celadon City, 02 Đường N4, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai ngày 06/4/2021, nguyên đơn ông Lê L trình bày: Về quan hệ hôn nhân, ông L và bà Dương Thị Vân Nh kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định và được Ủy ban nhân dân phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 15/2016 ngày 20/02/2016. Sau khoảng thời gian chung sống, cuộc sống vợ chồng càng về sau càng nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, sau đó ông L đi nước ngoài định cư, từ đó hai vợ chồng sống ly thân cho đến nay. ông L

xác nhận hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Nh.

Về con chung: ông L khai ông và bà Nh không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, ông L đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- *Theo nội dung Bản tự khai ngày 24/5/2021, bị đơn bà Dương Thị Vân Nh trình bày*: bà Nh xác nhận những lời trình bày của ông L về thời điểm kết hôn, về mâu thuẫn chung của vợ chồng, về con chung, tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung là đúng. Nay ông L yêu cầu ly hôn, bà đồng ý ly hôn. Đồng thời, bà Nh đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án:

Xét thấy, ông Lê L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Dương Thị Vân Nh và ông L hiện đang cư trú ở nước ngoài nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết vụ án về hôn nhân gia đình là đúng về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Xét Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Đơn xin vắng mặt ngày 06/4/2021 của ông Lê L đã được hợp pháp hóa lãnh sự của Tổng Lãnh sự quán nước CHXHCN Việt Nam tại Sydney, Australia nên đây được xem là chứng cứ hợp pháp của vụ án theo quy định tại Điều 94 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Do nguyên đơn và bị đơn đều có đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết, yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự

năm 2015; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê L, Hội đồng xét xử xét thấy:

Qua lời trình bày của ông L và bà Nh, có cơ sở xác định: ông L và bà Nh có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 15/2016 do Ủy ban nhân dân phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/02/2016, tại thời điểm đăng ký kết hôn, hai bên có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân giữa bà Nh và ông L là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống, hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải hòa, ông L đã định cư ở nước ngoài, do khoảng cách địa lý nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, không có sự gắn kết sâu đậm về tình cảm vợ chồng. Do hai bên đang sinh sống và làm việc ở hai nước khác nhau nên không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, nay ông L yêu cầu được ly hôn với bà Nh, bà Nh cũng đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của ông L và bà Nh.

- Về con chung: Ông Lê L và bà Dương Thị Vân Nh không có con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Ông Lê L và bà Dương Thị Vân Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Án phí về ly hôn trong vụ việc hôn nhân gia đình là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông Lê L phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông **Lê L**, sinh năm 1985 và bà **Dương Thị Vân Nh**, sinh năm 1987.

Giấy chứng nhận kết hôn số 15/2016 do Ủy ban nhân dân phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/02/2016 cho ông Lê L và bà Dương Thị Vân Nh hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: ÔngLực và bà Nh không có con chung.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Ông Lê L và bà Dương Thị Vân Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê L phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn trong vụ án hôn nhân gia đình là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông L đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0094106 ngày 11/5/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. ông L đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền, thời hạn kháng cáo: Ông Lê L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bà Dương Thị Vân Nh được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN		**THẨM PHÁN** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Trần Ngọc Thực	**Phạm Văn Hễ**	**Hoàng Bích Sơn**

1 000104 046217